

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/DS-ST

Ngày 27/11/2019

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kim Đính;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hải, ông Trịnh Ngọc Thành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Thượng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Luật là Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 209/2019/TLST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2019, về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2019/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 11/2019/QĐST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị Thanh T, sinh năm 19...; nơi cư trú tại ấp Ngọc Lâm 3, xã Phú Xuân, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 19...; nơi cư trú tại tổ 9, khu 9, thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

(Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Đơn khởi kiện ngày 26 tháng 7 năm 2019 và trong thời gian chuẩn bị xét xử vụ án nguyên đơn Hoàng Thị Thanh T trình bày ý kiến như sau:*

Ngày 21 tháng 7 năm 2018 bị đơn Nguyễn Thị L hợp đồng vay tiền của nguyên đơn, bị đơn đã nhận tiền vay của bên nguyên đơn 400.000.000 đồng, có tính lãi nhưng sau đó không tính lãi, mục đích vay tiền để mua hàng hóa buôn bán, thời hạn vay là 01 tháng tính từ ngày vay tiền. Ngày vay tiền bên nguyên đơn có nhận cầm cố của bị đơn 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 043334 ngày 19 tháng 01 năm 2015 của Ủy ban nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai cấp, thửa đất số 230, tờ bản đồ số 39, thuộc khu 9, thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (diện tích thửa đất là 148,5 m² - chủ sở hữu tài sản là bà Nguyễn Thị L).

Khi đến hạn trả tiền vay nợ gốc thì bị đơn không thực hiện nghĩa vụ tiền, nguyên đơn có yêu cầu bị đơn phải trả lại tiền vay nhưng bị đơn không thực hiện nên nguyên đơn phải khởi kiện để yêu cầu bị đơn Luyến phải trả đầy đủ tiền vay nợ gốc 400.000.000 đồng, nguyên đơn đồng ý trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên của bị đơn cầm cố vay tiền khi bị đơn thanh toán đủ tiền vay.

** Tại phiên tòa bị đơn Nguyễn Thị L vắng mặt nhưng có ý kiến trình bày trong thời gian chuẩn bị xét xử vụ án:*

Ý kiến trình bày của bị đơn L tại bản tự khai ngày 30 tháng 8 năm 2018 như sau: Ngày 21 tháng 7 năm 2018 bị đơn có ký tên giấy vay tiền của nguyên đơn Hoàng Thị Thanh T 400.000.000 đồng để có tiền sử dụng buôn bán hàng hóa, đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng, khi vay tiền có thỏa thuận 01 tháng trả tiền nợ gốc, nhưng hiện chưa có tiền trả bà T. Bên bị đơn đồng ý trả đủ tiền nhiều lần, trả trước 100.000.000 đồng, từ năm thứ hai mỗi năm trả tiền vay nợ gốc 50.000.000 đồng và tính thêm tiền lãi suất 5.000.000 đồng nhưng bà T không đồng ý. Bà T đã làm đơn khởi kiện thì bị đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

* Tại phiên tòa bị đơn Nguyễn Thị L vắng mặt, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với bị đơn nhưng bà vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án; nguyên đơn có đơn đề nghị không hòa giải vụ án vì đã khởi kiện nhiều lần qua nhiều vụ án vẫn không có mặt bị đơn đến Tòa án hòa giải tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án được, phải quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm.

** Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Bà T cho bà L mượn 400.000.000 đồng, đến hạn bà L không trả, đã vi phạm hợp đồng theo thỏa thuận giữa các bên. Nay bà T khởi kiện yêu cầu bà L phải trả tiền là có căn cứ chấp nhận.

Áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH/14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về thu nộp án phí, lệ phí Tòa án; buộc bà L phải trả số tiền gốc là 400.000.000 đồng cho bà Hoàng Thị Thanh T theo quy định của pháp luật; bà Nguyễn Thị L phải nộp án phí tranh chấp dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

* Các tình tiết đã rõ, do đương sự hai bên thống nhất ý kiến, thừa nhận, được coi là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Bị đơn thừa nhận có ký tên vào giấy vay tiền ngày 21 tháng 7 năm 2018 của bà T 400.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, có tính lãi nhưng sau đó không tính lãi, đến nay bị đơn chưa trả tiền vay nợ gốc; khi cho vay tài sản bên nguyên đơn có nhận cầm cố của bị đơn 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 043334 ngày 19 tháng 01 năm 2015 của Ủy ban nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai cấp, thửa đất số 230, tờ bản đồ số 39, thuộc khu 9, thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (diện tích thửa đất là 148,5 m² - chủ sở hữu tài sản là bà Nguyễn Thị L).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn Nguyễn Thị L có nơi cư trú tại khu 9, thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn Hoàng Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu bị đơn Nguyễn Thị L phải có trách nhiệm trả tiền vay nợ gốc 400.000.000 đồng. Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Nguyên đơn Hoàng Thị Thanh T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn Nguyễn Thị L đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến, quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, vẫn yêu cầu bị đơn L phải trả tiền vay nợ gốc 400.000.000 đồng, nguyên đơn đồng ý trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà L đưa nguyên đơn cầm cố để vay tiền ngày 21/7/2018 khi bị đơn thanh toán đủ tiền vay nợ gốc.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử vụ án bị đơn Nguyễn Thị L trình bày ý kiến là bà có vay 400.000.000 đồng của bà T, ký giấy vay tiền vào ngày 21 tháng 7 năm 2018.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Ý kiến trình bày của bị đơn thống nhất với ý kiến trình bày của nguyên đơn và chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Bị đơn vay tiền 400.000.000 đồng của nguyên đơn có thỏa thuận thời hạn trả lại tiền vay là 01 tháng. Đây là hợp đồng vay có kỳ hạn theo Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015. Đến nay bị đơn chưa thực hiện nghĩa vụ trả lại tiền theo thỏa thuận giữa các bên đương sự là vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015. Như vậy bị đơn đã xâm phạm quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết là đúng với quy định tại Điều 186 và điểm g khoản 4 Điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về trách nhiệm trả tiền vay: Bị đơn vay tiền của nguyên đơn đến hạn không trả tiền, nay bị đơn đề nghị được trả nợ nhiều lần kéo dài nhiều năm thì bên nguyên đơn không đồng ý nên bị đơn phải có trách nhiệm trả tiền vay còn nợ nguyên đơn 400.000.000 đồng; yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Hợp đồng vay tài sản giữa các đương sự được xác lập vào ngày 21 tháng 7 năm 2018 đang được thực hiện, đến nay chưa chấm dứt hợp đồng về nội dung hợp đồng phù hợp với quy định tại các Điều 463, Điều 466, Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

Khi nghị án Hội đồng xét xử đã thảo luận, thống nhất ý kiến chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp chứng cứ vụ án, quy định pháp luật được nhận định như trên và quy định tại điểm b khoản 2 Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về án phí: Nguyên đơn Hoàng Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu bị đơn Nguyễn Thị L phải có trách nhiệm thanh toán tiền vay nợ gốc là 400.000.000 đồng được Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thì bị đơn

Nguyễn Thị L phải chịu 20.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH/14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp chứng cứ vụ án, quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 186, điểm g khoản 4 Điều 189, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 238, điểm b khoản 2 Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 470, điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH/14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Hoàng Thị Thanh T.

Bà Nguyễn Thị L phải có trách nhiệm trả tiền vay nợ gốc là 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng) đối với bà Hoàng Thị Thanh T; bà T có trách nhiệm trả lại 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 043334 ngày 19/01/2015 của Ủy ban nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai, thửa đất số 230, tờ bản đồ số 39, khu 9, thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (diện tích thửa đất là 148,5 m² - chủ sở hữu tài sản là bà Nguyễn Thị L) đối với bà Nguyễn Thị L.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực, người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chưa thi hành án thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án dân sự có đơn yêu cầu thi hành án dân sự mà bên người phải thi hành án dân sự chưa tự nguyện thi hành án thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất đối với tài sản còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm; bà Hoàng Thị Thanh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; bà T được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.000.000đ (mười triệu đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 005628 ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

3. Bà Hoàng Thị Thanh T, bà Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định của luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Tân Phú,
VKSND tỉnh Đồng Nai (2);
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu trữ cơ quan.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Kim Đính